

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 6 - 2023
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Bùi Đức Hào

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tr1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Lê Quang Ph1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 4 năm 2023 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Bà Tr1 yêu cầu được ly hôn với ông Ph1, yêu cầu giao con chung tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/12/2014 cho ông Ph1 nuôi dưỡng, chăm sóc, bà Tr1 không cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lý do yêu cầu: Bà Tr1 và ông Ph1 tìm hiểu nhau một thời gian thì tổ chức lễ cưới năm 2011 trên cơ sở tự nguyện; Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh Long An ngày 25/5/2015. Sau khi cưới, bà Tr1 sống cùng cha mẹ tại ấp X, xã Y, huyện V, tỉnh Long An còn ông Ph1 thì đi làm ăn xa, một thời gian sau hai vợ chồng sinh sống tại ấp N, xã Th, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, ông Ph1 còn có hành vi bạo lực với bà. Từ năm 2016 đến nay bà và ông Ph1 không còn sống chung. Bà và ông Ph1 có một con chung tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/12/2014, hiện nay Ngọc H1 đang ở chung với ông Ph1. Bà đang làm công nhân tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị đơn ông Ph1 có ý kiến và trình bày trong biên bản ghi lời khai: Về điều kiện kết hôn, điều kiện sinh sống sau khi kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung thì ông Ph1 khai cùng nội dung như bà Tr1 trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông Ph1 chỉ trình bày là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tr1, ông yêu cầu nuôi con chung Lê Thị Ngọc H1 sinh ngày 16/12/2014, không yêu cầu bà Tr1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chấp hành tương đối đúng quy định vì còn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do.

Nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Tr1 và ông Lê Quang Ph1 có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/5/2015, đây là hôn nhân hợp pháp nên đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân gia đình. Bà Tr1 yêu cầu ly hôn và ông Ph1 cũng thông nhất ly hôn, như vậy có căn cứ xác định hôn nhân của bà Tr1 và ông Ph1 đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Ông Ph1 có yêu cầu nuôi con chung còn bà Tr1 thì yêu cầu giải quyết giao con chung cho ông Ph1 nuôi dưỡng, chăm sóc, con chung có nguyện vọng được ở với ông Ph1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Tr1, cụ thể:

Về hôn nhân: Bà Tr1 được ly hôn với ông Ph1;

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/12/2014 cho ông Ph1 chăm sóc và nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ph1 không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr1 và ông Ph1 trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền:

Bà Tr1 yêu cầu ly hôn với ông Ph1, ông Ph1 có nơi cư trú tại xã Th, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng:

Ông Ph1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Ph1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù bị đơn có ý kiến thống nhất ly hôn, nuôi con chung theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt, vì vậy, Tòa án mở phiên tòa để xem xét yêu cầu của nguyên đơn theo quy định mà không ghi nhận thuận tình ly hôn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của bà Tr1 và ông Ph1 được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V vào ngày 25/5/2015 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Tr1 và ông Ph1 đều xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, bà Tr1 yêu cầu được ly hôn và ông Ph1 có ý kiến thống nhất ly hôn; Biên bản xác minh được lập ngày 09/5/2023 cũng thể hiện về việc vợ chồng có mâu thuẫn và không còn sống chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà Tr1 và ông Ph1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

Từ khi bà Tr1 và ông Ph1 không còn sống chung thì con chung Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/12/2014 do ông Ph1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay con chung Lê Thị Ngọc H1 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông Ph1; ông Ph1 có yêu cầu được nuôi con chung. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 09/5/2023, ông Ph1 có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho con chung phát triển về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung cho ông Ph1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông Ph1 không yêu cầu bà Tr1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản chung và chia nợ chung:

Bà Tr1 và ông Ph1 đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Từ các nhận định trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tr1.

[7] Về án phí:

Do bà Tr1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Tr1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp sang tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr1 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Quang Ph1.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tr1 được ly hôn với ông Lê Quang Ph1.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thị Ngọc H1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/12/2014 cho ông Lê Quang Ph1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tr1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Tr1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 13 tháng 4 năm 2023 theo biên lai thu tiền số 0003946 sang tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Tr1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Quang Ph1 vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu